

DANH SÁCH DỰ KIẾN TỐT NGHIỆP (CHẠY XÉT LẦN 2 NGÀY 08-7-2025)

STT	Lớp	Mã SV	Họ lót	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Tổng số TCTL	Điểm TB tích lũy	Xếp loại	CCNN	Ghi chú
1	18545SP2	18545024	Lê Phúc	Sang		18/02/1998	Lâm Đồng	130	6.65	Khá		
2	20542SP3	20542038	Nguyễn Nhật	Khánh		08/03/2000	Bến Tre	187	6.48	Trung Bình		
3	22LC10DN2	22810001	Mai Nguyễn Ngọc	Anh	Nữ	27/09/2002	Đồng Nai	150	7.38	Khá	Đạt	
4	22LC42DN2	22842008	Nguyễn Mai Thanh	Đạm		17/09/2002	Đồng Nai	152	7.35	Khá	Đạt	
5	22LC42DN2	22842015	Võ Minh	Đức		15/05/2002	Quảng Ngãi	152	6.97	Khá	Đạt	
6	22LC42DN2	22842026	Nguyễn Văn	Khiêm		02/01/1999	Kiên Giang	152	6.55	Khá	Đạt	
7	22LC42DN2	22842022	Nguyễn Tuấn	Kiệt		31/10/2002	Trà Vinh	152	7.17	Khá	Đạt	
8	22LC42DN2	22642003	Nguyễn Bá	Lưu		20/10/1999	Ninh Thuận	152	6.80	Khá	Đạt	
9	22LC42DN2	22842031	Nguyễn Võ Hoàng	Minh		19/05/2002	Đồng Nai	152	6.74	Khá	Đạt	
10	22LC42DN2	22842044	Nguyễn Quan	Thái		26/10/2001	Đồng Nai	152	6.70	Khá	Đạt	
11	22LC42DN2	22842046	Nguyễn Đức	Thiện		27/01/2000	Đồng Nai	152	7.09	Khá	Đạt	
12	22LC42DN2	22842047	Trần Ngọc	Thương		02/06/1993	Cần Thơ	152	6.93	Khá	Đạt	
13	22LC42DN2	22842043	Lê Minh Hà	Tuyên		10/03/2000	Đồng Nai	152	6.49	Trung bình	Đạt	
14	22LC42SP2C	22642023	Tổng Hoàng	Sơn		29/08/2001	Gia Lai	152	6.89	Khá	Đạt	
15	22LC42SP2C	22642039	Trương Quang	Vinh		14/09/2000	Bình Thuận	152	7.12	Khá	Đạt	
16	22LC42SP2L	22842056	Nguyễn Hoàng Tuấn	Bảo		13/07/2003	TP. Hồ Chí Minh	152	6.74	Khá	Đạt	

17	22LC42SP2L	22842062	Hồ Tấn Mai	Duy		08/01/2003	TP. Hồ Chí Minh	152	6.89	Khá	Đạt	
18	22LC42SP2L	22842086	Lê Hoàng	Nhân		27/10/2000	Long An	152	7.31	Khá	Đạt	
19	22LC42SP2L	22842088	Nguyễn Ngọc	Phong		30/05/1999	Đồng Nai	152	7.08	Khá	Đạt	
20	22LC42SP2L	22842098	Trần Công	Tài		30/05/2002	Đồng Nai	152	7.49	Khá	Đạt	
21	22LC43DN2	22843003	Trần Tuấn	Anh		15/11/2002	Đồng Nai	150	7.12	Khá	Đạt	
22	22LC43DN2	22643036	Đinh Văn Tiến	Cường		11/03/1999	Đồng Nai	150	7.32	Khá	Đạt	
23	22LC43DN2	22843013	Nguyễn Minh	Hiếu		14/03/2000	Đồng Nai	150	7.27	Khá	Đạt	
24	22LC43DN2	22843040	Nguyễn Minh	Tú		29/01/1999	Hà Tây	150	7.35	Khá	Đạt	
25	22LC43SP2C	22643005	Đặng Khánh	Diễm		29/09/1994	Bình Thuận	150	8.00	Giỏi	Đạt	
26	22LC43SP2C	22643010	Văn Hoài	Đức		30/05/2000	Đồng Nai	150	7.77	Khá	Đạt	
27	22LC43SP2L	22843060	Bùi Văn	Định		30/11/1999	Bình Định	150	7.67	Khá	Đạt	
28	22LC43SP2L	22843066	Hứa Việt	Hùng		03/09/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	150	7.02	Khá	Đạt	
29	22LC43SP2L	22843069	Dương Trường	Khánh		25/10/1999	Đồng Nai	150	7.55	Khá	Đạt	
30	22LC43SP2L	22843070	Nguyễn Đông	Khoa		03/01/2000	Bến Tre	150	7.14	Khá	Đạt	
31	22LC43SP2L	22843076	Đỗ Minh	Nghiệp		02/05/2000	Đồng Nai	150	6.83	Khá	Đạt	
32	22LC43SP2L	22843075	Lê Trung	Nghĩa		06/12/1999	Tây Ninh	150	7.32	Khá	Đạt	
33	22LC43SP2L	22843077	Lê Đình	Ngọc		07/08/1995	Hà Tĩnh	150	7.04	Khá	Đạt	
34	22LC43SP2L	22843083	Dương Đình	Sơn		19/07/1992	Lâm Đồng	150	6.75	Khá	Đạt	

35	22LC43SP2L	22843084	Lê Phát	Tài		07/12/2000	Tiền Giang	150	6.83	Khá	Đạt	
36	22LC43SP2L	22843094	Nguyễn Chí	Thanh		20/04/1996	Tây Ninh	150	7.36	Khá	Đạt	
37	22LC43SP2L	22843098	Nguyễn Hồ Anh	Trí		20/12/2000	Quảng Ngãi	150	6.98	Khá	Đạt	
38	22LC43SP2L	22843088	Nguyễn Minh	Tuấn		13/09/1999	Đồng Nai	150	7.27	Khá	Đạt	
39	22LC45LTT3	22845161	Trần Hải	Dương		16/03/1998	TP. Hồ Chí Minh	150	7.22	Khá	Đạt	
40	22LC45LTT3	22645034	Đặng Quang	Long		04/08/1997	Gia Lai	150	7.29	Khá	Đạt	
41	22LC45LTT3	22845184	Kiều Công	Nam		23/05/2000	TP. Hồ Chí Minh	150	7.02	Khá	Đạt	
42	22LC45SP2L	22845064	Huỳnh Nhựt	Tân		02/11/1999	Vĩnh Long	150	7.13	Khá	Đạt	
43	22LC45SP2L	22845074	Nguyễn Đỗ	Thọ		08/05/1990	TP. Hồ Chí Minh	150	7.25	Khá	Đạt	
44	22LC45SP2L	22845066	Văn Thiên Bảo	Tín		05/10/1991	Phú Yên	150	7.13	Khá	Đạt	
45	22LC45SP2L	22845068	Đào Đức	Toán		05/05/2000	Phú Yên	150	7.44	Khá	Đạt	